|  |  |
| --- | --- |
| UBND QUẬN BÌNH THẠNH**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 396 /GDĐTVề Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ năm học 2020 – 2021 | *Bình Thạnh, ngày 27 tháng 11 năm 2020* |

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường THCS;

- Hiệu trưởng các trường nhiều cấp học.

*Căn cứ văn bản 8773****/****BGDĐT-GDTrH ngày 30 tháng 12 năm 2010 về**Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra của của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ công văn số 3414/BGDĐT-GDTrH ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Trung học năm học 2020 – 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ công văn số 3232/GDĐT-TrH ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc Hướng dẫn thực hiện kế hoạch giáo dục và kiểm tra đánh giá học sinh năm học 2020 – 2021của Sở Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ công văn số 3333/GDĐT-TrH ngày 9 tháng 10 năm 2020 Về Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra định kỳ và tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ năm học 2020 – 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo.*

Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cụ thể việc biên soạn đề kiểm tra và tổ chức kiểm tra đánh giá học sinh năm học 2020 – 2021 như sau:

**1. Kiểm tra, đánh giá định kì:**

- Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện *sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện* và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục quy định;

- Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

- Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính (hệ thống phần mềm) từ 45 phút đến 90 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định.

- Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện.

 **2. Thời gian kiểm tra đánh giá định kỳ trong năm học 2020 – 2021.**

**-** Kiểm tra đánh giá giữa kỳ 1: từ tuần thứ 9 và 10 của học kỳ 1

(Riêng các môn Mỹ Thuật, Âm nhạc và Thể dục sẽ thực hiện từ tuần 8)

- Kiểm tra đánh giá cuối kỳ 1: từ 20/12/2020 – 31/12/2021.

- Kiểm tra đánh giá giữa kỳ 2: Sau tuần thứ 7 của học kỳ 2 (tuần 25 của năm học).

- Kiểm tra đánh giá cuối kỳ 2: từ ngày 3/5 – 15/5/2021 (Riêng học sinh khối 9 từ ngày 25/4 – 08/5/2021)

 \* Các trường thực hiện báo cáo các nội dung qua đường cổng thông tin giáo dục trung học và Email của các Tổ trưởng bộ môn Quận, Phòng Giáo dục (pgdbinhthanh@moet.edu.vn), cụ thể :

 + Ma trận đặc tả và đề kiểm tra giữa kỳ học kỳ 1: trước ngày 30/11/2020

 + Ma trận đặc tả và đề kiểm tra giữa kỳ học kỳ 2: trước ngày 30/3/2021 + Ma trận đặc tả và đề kiểm tra cuối kỳ học kỳ 1 và học kỳ 2, sau 5 ngày kết thúc kiểm tra cuối kỳ.

 \* Đối với bộ môn Toán – Ngữ Văn – Tiếng Anh: Kiểm tra đánh giá cuối kỳ được thực hiện đề chung của Quận nên có đính kèm hướng dẫn thực hiện ma trận đặt tả thống nhất chung cho các trường thực hiện. Những môn còn lại các trường sẽ tham khảo thêm

**3. Nội dung kiến thức, kỹ năng kiểm tra đánh giá của bài kiểm tra đánh giá định kỳ.**

- Kiến thức, kỹ năng trong kiểm tra đánh giá định kỳ bài kiểm tra phải nằm trong các mức độ của “Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng của chương trình giáo dục phổ thông” của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2009 và nội dung được điều chỉnh bởi công văn 3280/BGDĐT-GDTrH năm 2020. Ngữ liệu sử dụng trong bài kiểm tra đánh giá phải phục vụ cho chuẩn kiến thức kỹ năng (yêu cầu cần đạt) của bài kiểm tra đánh giá định kỳ.

- Nội dung kiểm tra, đánh giá định kỳ được thực hiện từ tuần đầu học kỳ đến tuần thực hiện bài kiểm tra đánh giá định kỳ của học kỳ đó. Bài kiểm tra đánh giá định kỳ phải đảm bảo kiểm tra theo diện rộng (ở mức độ nhận biết, và thông hiểu) của kiến thức và kỹ năng, đồng thời phải đảm bảo mức độ sâu, phân hóa (ở mức độ nhận thức vận dụng và vận dụng cao).

**4. Nội dung kiến thức, kỹ năng kiểm tra đánh giá định kỳ bằng hình thức khác.**

- Kiểm tra đánh giá định kỳ bằng hình thức dự án học tập hoặc bài thực hành được thực hiện trong kế hoạch kiểm tra đánh giá của giáo viên được lãnh đạo nhà trường duyệt, được quy định trong quy chế kiểm tra đánh giá của nhà trường.

- Giáo viên sử dụng kết quả đánh giá các dự án học tập hoặc bài thực hành quy đổi thành điểm kiểm tra đánh giá định kỳ phải đảm bảo các quy định sau:

+ Các dự án học tập, bài thực hành được tổ chức thực hiện chuẩn kiến thức kỹ năng của môn học.

+ Các dự án học tập và bài thực hành phải có đầy đủ tiêu chí đánh giá: Quá trình tiếp nhận nhiệm vụ, quá trình thực hiện nhiệm vụ và kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập, kết quả đánh giá giữa học sinh với nhau và kết quả đánh giá của giáo viên với học sinh … Các tiêu chí được công bố cho học sinh trước khi thực hiện dự án học tập hoặc bài thực hành.

+ Điểm số các dự án học tập, bài thực hành phải được quy đổi về thang điểm 10.

**5. Hướng dẫn biên soạn đề kiểm tra.**

Để biên soạn đề kiểm tra cần thực hiện theo quy trình sau:

**Bước 1:** *Xác định mục đích của đề kiểm tra*

Người biên soạn đề kiểm tra cần căn cứ vào yêu cầu của việc kiểm tra, căn cứ chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình và thực tế học tập của học sinh để xây dựng mục đích của đề kiểm tra cho phù hợp.

 **Bước 2:** *Xác định hình thức đề kiểm tra*

- Đề kiểm tra có các hình thức sau: Đề kiểm tra tự luận; Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan.

- Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lý các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.

- Các môn có đề kiểm tra kết hợp hai hình thức tự luận và trắc nghiệm thì nên cho học sinh làm bài kiểm tra phần trắc nghiệm khách quan độc lập với việc làm bài kiểm tra phần tự luận: làm phần trắc nghiệm khách quan trước, thu bài rồi mới cho học sinh làm phần tự luận.

- Tỉ lệ các môn có kết hợp hai hình thức tự luận và trắc nghiệm:

+ Môn Tiếng Anh: tự luận 40%, Trắc nghiệm 60%

+ Môn Tin học: tự luận 40%, Trắc nghiệm 60%

+ Môn Âm nhạc: tự luận 50%, Trắc nghiệm 50%

**Bước 3:** *Thiết lập ma trận, bản đặc tả đề kiểm tra (chi tiết mục 6 văn bản này)*

- Lập một bảng có hai chiều, một chiều là nội dung hay mạch kiến thức chính cần kiểm tra đánh giá, một chiều là các cấp độ nhận thức của học sinh theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng và vận dụng cao (theo các tỉ lệ: 4:3:2:1 hoặc 3: 4: 2:1 hoặc 3.5 : 3.5 : 2 : 1).

- Trong mỗi ô là chuẩn kiến thức kĩ năng chương trình cần đánh giá, tỉ lệ % số điểm, số lượng câu hỏi và tổng số điểm của các câu hỏi.

- Số lượng câu hỏi của từng ô phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi chuẩn cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và trọng số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng cấp độ nhận thức.

**Bước 4:** *Biên soạn câu hỏi theo ma trận, bản đặc tả*

- Việc biên soạn câu hỏi theo ma trận cần đảm bảo nguyên tắc: mỗi câu hỏi chỉ kiểm tra một chuẩn hoặc một vấn đề, khái niệm; số lượng câu hỏi và tổng số câu hỏi do ma trận đề quy định.

- Để các câu hỏi biên soạn đạt chất lượng tốt, cần biên soạn câu hỏi thoả mãn các yêu cầu tại **mục 7** của công văn này.

**Bước 5: Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm**

- Việc xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm đối với bài kiểm tra cần đảm bảo các yêu cầu:

+ Nội dung: khoa học và chính xác;

+ Cách trình bày: cụ thể, chi tiết nhưng ngắn gọn và dễ hiểu;

+ Phù hợp với ma trận đề kiểm tra.

**Bước 6: Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra**

- Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra cần xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra, gồm các bước sau:

+ Đối chiếu từng câu hỏi với hướng dẫn chấm và thang điểm, phát hiện những sai sót hoặc thiếu chính xác của đề và đáp án. Điều chỉnh các từ ngữ, nội dung nếu thấy cần thiết để đảm bảo tính khoa học và chính xác.

+ Đối chiếu từng câu hỏi với ma trận đề, xem xét câu hỏi có phù hợp với: chuẩn cần đánh giá, cấp độ nhận thức cần đánh giá, số điểm, thời gian dự kiến.

+ Thử đề kiểm tra để tiếp tục điều chỉnh đề cho phù hợp với mục tiêu, chuẩn chương trình và đối tượng học sinh (nếu có điều kiện).

+ Hoàn thiện đề, hướng dẫn chấm và thang điểm.

**6. Các bước cơ bản thiết lập ma trận và đặc tả đề kiểm tra đánh giá (phụ lục 1)**

**Bước 1.** Liệt kê tên các chủ đề (nội dung, chương...) cần kiểm tra đánh giá.

**Bước 2.** Căn cứ chuẩn kiến thức kỹ năng (bản đặc tả các yêu cầu cần đạt) xác định các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy.

*- Lưu ý khi xác định các chuẩn cần đánh giá:*

+ Chuẩn kiến thức và kỹ năng được chọn để đánh giá là chuẩn có *vai trò quan trọng* trong chương trình môn học. Đó là chuẩn kiến thức và kỹ năng có thời lượng giảng dạy nhiều trong chương trình và làm cơ sở để hiểu được các chuẩn khác;

+ Mỗi chủ đề (nội dung, chương...) đều phải có những chuẩn đại diện được chọn để đánh giá;

+ Số lượng chuẩn cần đánh giá ở mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với thời lượng quy định trong phân phối chương trình dành cho chủ đề (nội dung, chương...) đó. Nên để số lượng các *chuẩn kĩ năng và chuẩn đòi hỏi* mức độ tư duy cao (vận dụng) nhiều hơn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức độ** | **Mô tả** | **Động từ thường dùng trong đặc tả và câu hỏi** |
| **Nhận biết** | Học sinh nhớ các khái niệm cơ bản, có thể nêu lên hoặc nhận ra chúng khi được yêu cầu | *Kể, liệt kê, nêu tên,**xác định, viết, tìm,**nhận ra,…* |
| **Thông hiểu** | Học sinh hiểu các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng, khi chúng được thể hiện theo cách tương tự như cách giáo viên đã giảng hoặc như các ví dụ tiêu biểu về chúng trên lớp học. | *Giải thích, diễn giải, phác thảo, thảo luận, phân biệt, dự đoán, khẳng định lại, so sánh, mô tả..* |
| **Vận dụng** | Học sinh có thể hiểu được khái niệm ở một mức độ cao hơn “thông hiểu”, tạo ra được sự liên kết hợp lý giữa các khái niệm cơ bản và có thể vận dụng chúng để tổ chức lại các thông tin đã được trình bày giống với bài giảng của giáo viên hoặc trong sách giáo khoa. | *Giải quyết, thể hiện, sử dụng, làm rõ, xây dựng, hoàn thiện, xem xét, làm sáng tỏ..* |
| **Vận dụng cao** | Học sinh có thể sử dụng các kiến thức về môn học – chủ đề để giải quyết các vấn đề mới, không giống với những điều đã được học, hoặc trình bày trong sách giáo khoa, nhưng ở mức độ phù hợp nhiệm vụ, với kỹ năng và kiến thức được giảng dạy phù hợp với mức độ nhận thức này. Đây là những vấn đề, nhiệm vụ giống với các tình huống thực tiễn. | *Tạo ra, phát hiện ra, soạn thảo, dự báo, lập kế hoạch, xây dựng, thiết kế, tưởng tượng, đề xuất, định hình.* |

**Bước 3.** Quyết định phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương…).

Căn cứ vào *mục đích của đề kiểm tra đánh giá*, căn cứ vào *mức độ quan trọng* của mỗi chủ đề (nội dung, chương…) trong chương trình và *thời lượng thực hiện giảng dạy*trong chương trình để phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho từng chủ đề.

**Bước 4.** Quyết định tổng số điểm của bài kiểm tra, đánh giá định kỳ;

**Bước 5.** Tính số điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương…) tương ứng với tỉ lệ %.

- Đối với các đề 100% trắc nghiệm khách quan: các câu hỏi có số điểm bằng nhau. Với thời gian kiểm tra 45 phút, số câu tối đa là 45 câu, mỗi câu 0,25 điểm.

- Đối với đề tự luận 100%, biên soạn câu hỏi theo nhiều ý, mỗi ý 0,25 điểm. Với thời gian 45 phút

**Bước 6.** Tính số điểm và quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn tương ứng.

+ Căn cứ vào mục đích của đề kiểm tra để phân phối tỉ lệ % số điểm cho mỗi chuẩn cần đánh giá, ở mỗi chủ đề, theo hàng. Giữa ba cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng theo thứ tự nên theo tỉ lệ phù hợp với chủ đề, nội dung và trình độ, năng lực của học sinh.

+ Căn cứ vào số điểm đã xác định ở ***Bước 5*** để quyết định số điểm và câu hỏi tương ứng, trong đó mỗi câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan phải có số điểm bằng nhau. (0.25 điểm/câu).

+ Nếu đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận thì cần xác định tỉ lệ % tổng số điểm của mỗi một hình thức sao cho thích hợp.

**Bước 7.** Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột;

**Bước 8.** Tính tỉ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột;

**Bước 9.** Đánh giá lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

**7. Các yêu cầu về câu hỏi của đề kiểm tra đánh giá.**

 **7.1.** *Các yêu cầu đối với câu hỏi có nhiều lựa chọn (trắc nghiệm khách quan)*

***a. Một số nguyên tắc chung khi viết câu hỏi nhiều lựa chọn:***

- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình; mỗi câu hỏi phải đo một kết quả học tập quan trọng (mục tiêu xây dựng).

- Cần xác định đúng mục tiêu của việc kiểm tra, đánh giá để từ đó xây dựng câu hỏi cho phù hợp.

- Câu hỏi tập trung vào một vấn đề duy nhất. Tránh việc một câu trắc nghiệm này gợi ý cho một câu trắc nghiệm khác, giữa các câu độc lập với nhau.

- Câu hỏi không được sai sót về nội dung chuyên môn;

- Câu hỏi có nội dung phù hợp thuần phong mỹ tục Việt Nam;

- Câu hỏi chưa được sử dụng cho mục đích thi hoặc kiểm tra đánh giá trước đó;

- Câu hỏi phải là mới; không sao chép nguyên dạng từ sách giáo khoa hoặc các nguồn tài liệu tham khảo; không sao chép từ các nguồn đã công bố bản in hoặc bản điện tử dưới mọi hình thức;

- Câu hỏi cần khai thác tối đa việc vận dụng các kiến thức để giải quyết các tình huống thực tế trong cuộc sống;

- Tránh việc sử dụng sự khôi hài.

- Tránh viết câu không phù hợp với thực tế.

- Các ký hiệu, thuật ngữ sử dụng trong câu hỏi phải thống nhất.

***b. Về câu dẫn câu trắc nghiệm khách quan.***

- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể;

- Không trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa;

- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh;

- Đảm bảo rằng các hướng dẫn trong phần dẫn là rõ ràng và việc sử dụng từ ngữ cho phép thí sinh biết chính xác họ được yêu cầu làm cái gì. Câu nên xác định rõ ràng ý nghĩa muốn biểu đạt, từ dùng trong câu phải rõ ràng, chính xác, không có sai sót và không được lẫn lộn.

- Để nhấn mạnh vào kiến thức thu được nên trình bày câu dẫn theo định dạng câu hỏi thay vì định dạng hoàn chỉnh câu.

- Nếu phần dẫn có định dạng hoàn chỉnh câu, không nên tạo một chỗ trống ở giữa hay ở bắt đầu của phần câu dẫn.

- Tránh sự dài dòng trong phần dẫn

- Nên trình bày phần dẫn ở thể khẳng định

- Phần dẫn phải phù hợp với mức độ (nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao) theo ma trận đề quy định.

***c. Về phương án lựa chọn:***

- Phương án đúng của câu hỏi này phải độc lập với phương án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra;

- Mỗi câu hỏi chỉ có một phương án đúng, chính xác nhất;

- Cần cân nhắc khi sử dụng những phương án có hình thức hay ý nghĩa trái ngược nhau hoặc phủ định nhau

- Các phương án lựa chọn phải đồng nhất theo nội dung, ý nghĩa tránh tình trạng câu dẫn đề cập một vấn đề, nhưng các phương án lại đề cập đến một vấn đề khác.

- Các phương án lựa chọn nên đồng nhất về mặt hình thức (độ dài, từ ngữ,…)

- Tránh lặp lại một từ ngữ/thuật ngữ nhiều lần trong câu hỏi.

- Không đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “không có phương án nào đúng”.

- Tránh các thuật ngữ mơ hồ, không có xác định cụ thể về mức độ như “thông thường”, “phần lớn”, “hầu hết”,… hoặc các từ hạn định cụ thể như “luôn luôn”, “không bao giờ”, “tuyệt đối”…

- Nên viết các phương án nhiễu ở thể khẳng định.

- Mỗi phương án nhiễu phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức;

- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh;

- Phương án nhiễu không nên “sai” một cách quá lộ liễu;

- Tránh sử dụng các cụm từ chưa đúng (sai ngữ pháp, kiến thức…): Hãy viết các phương án nhiễu là các phát biểu đúng, nhưng không trả lời cho câu hỏi.

- Lưu ý đến các điểm liên hệ về văn phạm của phương án nhiễu có thể giúp học sinh nhận biết câu trả lời .

- Phương án nhiễu có thể làm thay đổi mức độ của câu hỏi.

- Các phương án nhiễu nên là các phương án mà ở đó ta dự đoán học sinh đã sai lầm trong tính toán hoặc nhận thức chưa đúng về nội dung của câu dẫn.

**7.2.** *Các yêu cầu đối với câu hỏi tự luận*

- Câu hỏi phải đánh giá nội dung quan trọng của chương trình;

- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng;

- Câu hỏi yêu cầu học sinh phải vận dụng kiến thức vào các tình huống mới;

- Câu hỏi thể hiện rõ nội dung và cấp độ tư duy cần đánh giá;

- Nội dung câu hỏi đặt ra một yêu cầu và các hướng dẫn cụ thể về cách thực hiện yêu cầu đó;

- Yêu cầu của câu hỏi phù hợp với trình độ và nhận thức của học sinh;

- Yêu cầu học sinh phải am hiểu nhiều hơn là ghi nhớ những khái niệm, thông tin;

- Ngôn ngữ sử dụng trong câu hỏi phải truyền tải được hết những yêu cầu của cán bộ ra đề đến học sinh;

- Câu hỏi nên nêu rõ các vấn đề: độ dài của bài luận; mục đích bài luận; thời gian để viết bài luận; Các tiêu chí cần đạt.

- Nếu câu hỏi yêu cầu học sinh nêu quan điểm và chứng minh cho quan điểm của mình, câu hỏi cần nêu rõ: bài làm của học sinh sẽ được đánh giá dựa trên những lập luận logic mà học sinh đó đưa ra để chứng minh và bảo vệ quan điểm của mình chứ không chỉ đơn thuần là nêu quan điểm đó.

**8.** **Tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ trong nhà trường.**

**8.1.** Việc phân công tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ.

- Nhà trường xây dựng quy chế kiểm tra đánh giá học sinh trong trường, điều chỉnh, bổ sung hàng năm. Trong quy chế kiểm tra đánh giá, cần quy định cụ thể kiểm tra đánh giá định kỳ được tổ chức tập trung hay phân quyền cho giáo viên thực hiện và kiểm tra đánh giá định kỳ được tổ chức theo hình thức nào.

- *Nếu kiểm tra đánh giá định kỳ được tổ chức tập trung toàn trường, nhà trường cần thực hiện theo các bước:*

+ Phân công tổ chuyên môn xây dựng ma trận đề kiểm tra đánh giá.

+ Căn cứ chuẩn kiến thức kỹ năng xây dựng bản đặc tả theo ma trận.

+ Căn cứ theo ma trận và bản đặc tả, giáo viên trong tổ chuyên môn được phân công nhiệm vụ theo quyết định xây dựng đề kiểm tra đánh giá định kỳ.

- *Nếu tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ trong quy chế kiểm tra đánh giá phân công cho giáo viên bộ môn thực hiện, nhà trường cần thực hiện theo các bước*:

+ Phân công tổ bộ môn xây dựng đề kiểm tra đánh giá định kỳ.

+ Căn cứ chuẩn kiến thức kỹ năng, tổ bộ môn xây dựng bản đặc tả theo ma trận xây dựng.

+ Giáo viên căn cứ ma trận, đặc tả và các hướng dẫn xây dựng đề kiểm tra (trong công văn này) xây dựng đề kiểm tra cho lớp giảng dạy. Lưu ý: Câu hỏi chưa được sử dụng cho mục đích thi hoặc kiểm tra đánh giá trước đó.

**8.2.** Quy trình xây dựng đặc tả, ma trận, đề kiểm tra định kỳ.

- Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học, Tổ chuyên môn xây dựng bản đặc tả (các yêu cần cần đạt) cho môn/khối cả năm.

- Trước thời gian kiểm tra đánh giá định kỳ 10 ngày, trường hoàn chỉnh ma trận kiểm tra đánh giá, hoàn thành bản đặc tả cho đề kiểm tra định kỳ.

- Xây dựng đề kiểm tra đánh giá (một hoặc nhiều đề) theo ma trận và bản đặc tả.

8.3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm máy tính trong kiểm tra đánh giá học sinh.

**9. Cách thức thực hiện.**

- Các cấp quản lý giáo dục và các trường phổ thông cần có kế hoạch chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học, trong đó có đổi mới kiểm tra đánh giá trong từng năm học. Kế hoạch cần quy định rõ nội dung các bước, quy trình tiến hành, công tác kiểm tra, thanh tra chuyên môn và biện pháp đánh giá chặt chẽ, hiệu quả cuối cùng thể hiện thông qua kết quả áp dụng của giáo viên.

- Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên cốt cán và toàn thể giáo viên nắm vững Chương tình giáo dục của cấp học, từ mục tiêu cấp học, cấu trúc chương trình, chương trình các môn học, các hoạt động Giáo dục và đặc biệt là chuẩn kiến thức và kỹ năng, yêu cầu về thái độ đối với người học.

- Tập trung đẩy mạnh khắc phục tình trạng giáo viên chỉ dựa vào sách giáo khoa để làm căn cứ soạn bài, giảng dạy và kiểm tra – đánh giá. Tình trạng này dẫn đến việc kiến thức của học sinh không được mở rộng, không được liên hệ nhiều với thực tiễn, làm cho giờ học trở nên khô khan, gò bó, dẫn đến kiểm tra đánh giá đơn điệu, không kích thích được sự sáng tạo của học sinh.

Trong kế hoạch chỉ đạo, phải đề ra mục tiêu, bước đi cụ thể chỉ đạo đổi mới kiểm tra, đánh giá để thu được kết quả cuối cùng, phát động, xây dựng, củng cố thành nền nếp chuyên môn vững chắc trong hoạt động dạy học:

- Nhà trường yêu cầu và tạo điều kiện cho từng giáo viên nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng và yêu cầu về thái độ đối với người học đã được quy định tại chương trình môn học vì đây là *căn cứ pháp lý khách quan* để tiến hành kiểm tra, đánh giá;

- Nâng cao nhận thức về mục tiêu, vai trò và tầm quan trọng của kiểm tra, đánh giá, sự cần thiết khách quan phải đổi mới kiểm tra, đánh giá, bảo đảm khách quan, chính xác, công bằng để nâng cao chất lượng dạy học;

- Trang bị các kiến thức và kỹ năng tối cần thiết có tính kỹ thuật về kiểm tra, đánh giá nói chung và các hình thức kiểm tra, đánh giá nói riêng, trong đó đặc biệt là kỹ thuật xây dựng các đề kiểm tra. Cần sử dụng đa dạng các loại câu hỏi trong đề kiểm tra. Các câu hỏi biên soạn đảm bảo đúng kỹ thuật, có chất lượng.

**10. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

**- Trách nhiệm của nhà trường**

+ Tổ chức cho giáo viên nghiên cứu nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình, tập huấn cụ thể công tác xây dựng ma trận, đặc tả và đề kiểm tra theo chuẩn kiến thức và kỹ năng.

+ Xây dựng quy chế kiểm tra đánh giá rõ ràng, đầy đủ phân công đúng người đúng việc nhằm tổ chức hoạt động kiểm tra đánh giá trong nhà trường đúng quy định.

**- Trách nhiệm của Tổ chuyên môn**

+ Tổ chức cho giáo viên nghiên cứu nắm vững chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình môn học và hoạt động giáo dục mình phụ trách và tổ chức đều đặn việc dự giờ và rút kinh nghiệm, tăng cường ý thức khiêm tốn học hỏi và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm; thảo luận cách giải quyết những vấn đề mới, vấn đề khó, phát huy các hoạt động tương tác và hợp tác trong chuyên môn;

+ Yêu cầu giáo viên thực hiện đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá học sinh. Cần đa dạng hóa các dạng bài tập đánh giá như: các dạng bài tập nghiên cứu; đánh giá trên sản phẩm hoạt động học tập của học sinh (tập các bài làm tốt nhất của học sinh; tập tranh ảnh học sinh sưu tầm, các bài văn, bài thơ, bài báo sưu tầm theo chủ đề; sổ tay ghi chép của học sinh…); đánh giá thông qua chứng minh khả năng của học sinh (sử dụng nhạc cụ, máy móc...); đánh giá thông qua thuyết trình; đánh giá thông qua hợp tác theo nhóm; đánh giá thông qua kết quả hoạt động chung của nhóm…

Nhận được công văn này, đề nghị Hiệu trưởng các trường xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận* :*** Như trên;
* Lưu VP, TPT.
 | **KT. TRƯỞNG PHÒNG****PHÓ TRƯỞNG PHÒNG** (Đã ký)**Nguyễn Thị Ngọc Bích** |

**PHỤ LỤC 1**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ**

*(Đính kèm văn bản số 3333/GDĐT-TrH ngày 09 tháng 10 năm 2020)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **stt** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **ĐƠN VỊ KIẾN THỨC** | **CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | **tổng số câu** | **Tổng thời gian** |  |
| **NHẬN BIÊT** | **THÔNG HIỂU** | **VẬN DỤNG** | **VẬN DỤNG CAO** | **TỈ LỆ %** |
| **Ch TN** | **Thời** **gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **Ch TN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **Ch TN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **Ch TN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **Ch TN** | **Ch TL** |  |  |
|   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***tổng***  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***tỉ lệ***  |  | 40% … | 30% … | 20% … | 10% … |   |   |   |  |
| Tổng điểm |   | ***0*** | ***0*** | ***0*** | ***0*** |   |   |   |  |

\* chTN: câu hỏi trắc nghiệm khách quan; chTL: câu hỏi tự luận.

\* Thời gian là tổng thời gian cho tất cả các câu mở cùng mức độ của đơn vị kiến thức.

**MA TRẬN ĐỀ CÁC MÔN TIẾNG ANH – NGỮ VĂN - TOÁN**

**1. Ma trận đề môn Tiếng Anh – kiểm tra định kỳ**

**\* Khối 6-7**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NHẬN BIẾT** | **THÔNG HIỂU** | **VẬN DỤNG THẤP** | **VẬN DỤNG CAO** | **NỘI DUNG** |
| **Choose the word or phrase (A, B, C or D)** **that best fits the blank space in each sentence (3 pts)** |  |
| **1** |  | **0,25** |  |  | **VOCABULARY –** **CONJUNCTIONS / CONNECTORS**  |
| **2** |  | **0,25** |  |  |
| **3** |  | **0,25** |  |  |
| **4** | **0,25** |  |  |  |
| **5** | **0,25** |  |  |  |
| **6** | **0,25** |  |  |  |
| **7** | **0,25** |  |  |  | **PREPOSITIONS**  |
| **8** | **0,25** |  |  |  |
| **9** |  | **0,25** |  |  | **SPEAKING -CONVERSATION** |
| **10** |  | **0,25** |  |  | **SPEAKING -CONVERSATION** |
| **11** | **0,25** |  |  |  | **SIGNS-WARNINGS** |
| **12** | **0,25** |  |  |  | **SIGNS-WARNINGS** |
| **Rearrange the word given to make the meaningful sentence (0,5 pt )** |
| **13** | **0,25** |  |  |  | **COMPLEX SENTENCE** |
| **14** | **0,25** |  |  |  | **COMPLEX SENTENCE** |
| **Choose the word or phrase that best fits the blank space in the following passage (1.5 pts)** |  |
| **15** |  | **0,25** |  |  | **VOCABULARY** **PREPOSITIONS** **CONJUNCTIONS / CONNECTORS** |
| **16** |  | **0,25** |  |  |
| **17** | **0,25** |  |  |  |
| **18** | **0,25** |  |  |  |
| **19** | **0,25** |  |  |  |
| **20** | **0,25** |  |  |  |
| **Read the passage and then decide whether the statements that follow are True or False (1.5pt)** |  |
| **21** | **0,25** |  |  |  | **OPPOSITE – NEGATIVE MEANING****RIGHT INFORMATION** |
| **22** | **0,25** |  |  |  |
| **23** | **0,25** |  |  |  |
| **24** | **0,25** |  |  |  |
| **Read the passage again and choose the best answer ( A, B, C or D)** |  |
| **25** |  | **0,25** |  |  | **MAIN IDEA** |
| **26** |  | **0,25** |  |  | **DETAIL - CONTENT** |
| **Supply the correct form of the word in bracket: (1 pts)** |  |
| **27** |  |  | **0,25** |  | **ADJEACTIVE** |
| **28** |  |  | **0,25** |  | **ADVERB** |
| **29** |  | **0,25** |  |  | **NOUN**  |
| **30** |  | **0,25** |  |  | **VERB** |
| **Finish the second sentence. Keep its meaning similar to the above (1,5 PTS)** |
| **31** |  | **0,5** |  |  | **WH-QUESTIONS** |
| **32** |  |  | **0,5** |  | **SIMPLE SENTENCE** |
| **33** |  |  | **0,5** |  | **SIMPLE SENTENCE** |
| **Make questions from the underlined words or phrases (1,5 pts)** |
| **34** |  |  | **0,5** |  | **WH-QUESTIONS** |
| **35** |  |  | **0,5** |  | **WH-QUESTIONS** |
| **36** |  |  | **0,5** |  | **WH-QUESTIONS** |

**\* Khối 8**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NHẬN BIẾT** | **THÔNG HIỂU** | **VẬN DỤNG THẤP** | **VẬN DỤNG CAO** | **GHI CHÚ** |
| **Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the blank space in each sentence (3 pts)** |  |
| **1** |  | **0,25** |  |  | **VOCABULARY –** **CONJUNCTIONS / CONNECTORS**  |
| **2** |  | **0,25** |  |  |
| **3** |  | **0,25** |  |  |
| **4** | **0,25** |  |  |  |
| **5** | **0,25** |  |  |  |
| **6** | **0,25** |  |  |  |
| **7** | **0,25** |  |  |  | **PREPOSITIONS**  |
| **8** | **0,25** |  |  |  |
| **9** |  | **0,25** |  |  | **SPEAKING -CONVERSATION** |
| **10** |  | **0,25** |  |  | **SPEAKING -CONVERSATION** |
| **11** | **0,25** |  |  |  | **SIGNS-WARNINGS** |
| **12** | **0,25** |  |  |  | **SIGNS-WARNINGS** |
| **Rearrange the word given to make the meaningful sentence (0,5 pt )** |
| **13** | **0,25** |  |  |  | **COMPLEX SENTENCE** |
| **14** | **0,25** |  |  |  | **SIMPLE SENTENCE** |
| **Choose the word or phrase that best fits the blank space in the following passage (1.5 pts)** |  |
| **15** |  | **0,25** |  |  | **VOCABULARY** **PREPOSITIONS** **CONJUNCTIONS / CONNECTORS** |
| **16** |  | **0,25** |  |  |
| **17** | **0,25** |  |  |  |
| **18** | **0,25** |  |  |  |
| **19** | **0,25** |  |  |  |
| **20** | **0,25** |  |  |  |
| **Read the passage and then decide whether the statements that follow are True or False (1.5pt)** |  |
| **21** | **0,25** |  |  |  | **OPPOSITE – NEGATIVE MEANING****RIGHT INFORMATION** |
| **22** | **0,25** |  |  |  |
| **23** | **0,25** |  |  |  |
| **24** | **0,25** |  |  |  |
| **Read the passage again and choose the best answer ( A, B, C or D)** |  |
| **25** |  | **0,25** |  |  | **MAIN IDEA** |
| **26** |  | **0,25** |  |  | **DETAIL - CONTENT** |
| **Supply the correct form of the word in bracket: (1.5 pts)** |  |
| **27** |  |  | **0,25** |  | **ADJEACTIVE** |
| **28** |  |  | **0,25** |  | **ADVERB** |
| **29** |  | **0,25** |  |  | **NOUN**  |
| **30** |  | **0,25** |  |  | **VERB** |
| **31** |  |  | **0,25** |  | **ADJECTIVE**  |
| **32** |  |  | **0,25** |  | **NOUN** |
| **Rewrite the sentences so that they are nearest in meaning to the sentence printed before them (2pts)** |  |
| **33** |  |  | **0,5** |  | **PASSIVE VOICE** |
| **34** |  |  | **0,5** |  | **PRESENT PARTICIPLE**  |
| **35** |  |  | **0,5** |  | **COMPOUND WORD** |
| **36** |  |  | **0,5** |  | **REPORTED SPEECH** |

**\* Khối 9**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NHẬN BIẾT** | **THÔNG HIỂU** | **VẬN DỤNG THẤP** | **VẬN DỤNG CAO** | **GHI CHÚ** |
| **Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best fits the blank space in each sentence (3 pts)** |  |
| **1** |  | **0,25** |  |  | **VOCABULARY –** **CONJUNCTIONS / CONNECTORS**  |
| **2** |  | **0,25** |  |  |
| **3** |  | **0,25** |  |  |
| **4** |  |  |  | **0,25** |
| **5** | **0,25** |  |  |  |
| **6** | **0,25** |  |  |  |
| **7** | **0,25** |  |  |  | **PREPOSITIONS**  |
| **8** | **0,25** |  |  |  |
| **9** |  | **0,25** |  |  | **SPEAKING -CONVERSATION** |
| **10** |  | **0,25** |  |  | **SPEAKING -CONVERSATION** |
| **11** | **0,25** |  |  |  | **SIGNS-WARNINGS** |
| **12** | **0,25** |  |  |  | **SIGNS-WARNINGS** |
| **Rearrange the word given to make the meaningful sentence (0,5 pt )** |
| **13** | **0,25** |  |  |  | **COMPLEX SENTENCE** |
| **14** | **0,25** |  |  |  | **SIMPLE SENTENCE** |
| **Choose the word or phrase that best fits the blank space in the following passage (1.5 pts)** |  |
| **15** |  | **0,25** |  |  | **VOCABULARY** **PREPOSITIONS** **CONJUNCTIONS / CONNECTORS** |
| **16** |  | **0,25** |  |  |
| **17** |  |  |  | **0,25** |
| **18** | **0,25** |  |  |  |
| **19** | **0,25** |  |  |  |
| **20** | **0,25** |  |  |  |
| **Read the passage and then decide whether the statements that follow are True or False (1.5pt)** |  |
| **21** | **0,25** |  |  |  | **OPPOSITE – NEGATIVE MEANING****RIGHT INFORMATION** |
| **22** | **0,25** |  |  |  |
| **23** | **0,25** |  |  |  |
| **24** | **0,25** |  |  |  |
| **Read the passage again and choose the best answer ( A, B, C or D)** |  |
| **25** |  | **0,25** |  |  | **MAIN IDEA** |
| **26** |  | **0,25** |  |  | **DETAIL - CONTENT** |
| **Supply the correct form of the word in bracket: (1.5 pts)** |  |
| **27** |  |  | **0,25** |  | **VOCABULARY** **PREPOSITIONS** **CONJUNCTIONS / CONNECTORS** |
| **28** |  |  | **0,25** |  |
| **29** |  | **0,25** |  |  |
| **30** |  | **0,25** |  |  |
| **31** |  |  | **0,25** |  |
| **32** |  |  | **0,25** |  |
| **Rewrite the sentences so that they are nearest in meaning to the sentence printed before them (2pts)** |  |
| **33** |  |  | **0,5** |  | **PASSIVE VOICE** |
| **34** |  |  | **0,5** |  | **PRESENT PERFECT**  |
| **35** |  |  | **0,5** |  | **RELATIVE PRONOUN** |
| **36** |  |  |  | **0,5** | **REPORTED SPEECH** |

**2. Ma trận đề môn Toán – kiểm tra định kỳ**

**\* Khối 6**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Ghi chú** |
| **Thấp** | **Cao** |
| 1. **Tập hợp**
2. Liệt kê các phần tử
3. Tập hợp con
 |  |
|  | 0.5 |  |  |  | **1** |
|  |  | 0.5 |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **2. Thực hiện phép tính(Tính hợp lý nếu có thể):** 1. Dùng tính chất giao hoán của phép cộng, phép nhân.
2. Dãy tính +, –, x, :, lũy thừa (có thể vận dụng lũy thừa tich, thương).
3. Dùng tính chất phân phối giữa phép nhân với phép cộng.
 |  |
| a. | 1 |  |  |  | **3** |
| b. |  | 1 |  |  |
| c. |  | 1 |  |  |
|  |
| **3. Tìm x:**1. Tìm x đơn giản. VD: 113 – 5x = 23
2. Tìm x có ngoặc. VD: 115 : (x – 6) – 15 = 100
3. Tìm x có lũy thừa. VD: 35 – x = 27
 |  |
| a. | 1 |  |  |  | **3** |
| b. |  | 1 |  |  |
| c. |  |  | 1 |  |
| **4. Toán thực tế về ƯC, BC, chia hết, chia có dư** |  |
|  |  | 1 |  |  | **1** |
|  |
| **5. Hình học:**1. Vẽ hình, xác định tia đối nhau, trùng nhau.
2. Tính độ dài đoạn thẳng.
 |  |
| a. |  | 1 |  |  | **2** |
| b. |  | 1 |  |  |

**\* Khối 7:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Ghi chú** |
| **Thấp** | **Cao** |
|  |  |
| 1. **Thực hiện phép tính (tính hợp lý nếu có thể):**
2. Qui tắc cộng, trừ, nhân, chia lũy thừa của số hữu tỉ, giá trị tuyệt đối, căn đơn giản . VD:
3. Tính chất phân phối giữa phép nhân và phép cộng.

VD: 1. Vận dụng công thức về lũy thừa của số hữu tỉ (cơ số dương).

VD:  |  |
| a. | 1 |  |  |  | **3** |
| b. |  | 1 |  |  |
| c. |  | 1 |  |  |  |
|  |
| **2. Tìm x:**1. Tìm x dùng qui tắc chuyển vế. VD:
2. Tìm x trong tỉ lệ thức. VD:
3. Tìm x trong dấu giá trị tuyệt đối. VD:
 |  |
| a. | 1 |  |  |  | **3** |
| b. |  | 1 |  |  |
| c. |  |  | 1 |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **3. Toán thực tế: về tính chất dãy tỉ số bằng nhau** |  |
|  |  | 1.5 |  |  | **1.5** |
|  |  |  | 0.75 |
| **4. Hình học: cho hình sẵn**1. Chứng minh song song, vuông góc.
2. Tính số đo góc .
3. ......
 |  |
| a. |  | 1 |  |  | **2.5** |
| b. |  | 1 |  |  |
| c. |  |  | 0.5 |  |

**\* Khối 8**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Ghi chú** |
| **Thấp** | **Cao** |
|  |  |
| **1. Rút gọn:** 1. Nhân đơn thức với đa thức, đa thức với đa thức.

VD:  1. Hằng đẳng thức đáng nhớ.

VD:  |  |
| a. | 1 |  |  |  | **2** |
| b. |  | 1 |  |  |
|  |
| 2. **Tìm x:**1. Nhân đa thức với đa thức VD:
2. Đưa về dạng tích. VD:
 |  |
| a. | 1 |  |  |  | **2** |
| b. |  | 1 |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **3. Phân tích đa thức thành nhân tử:**1. Đặt nhân tử chung. VD:
2. Nhóm hạng tử. VD:
 |  |
| a. |  | 1 |  |  | **2** |
| b. |  |  | 1 |  |
|  |  |  |
| **4. Toán thực tế Hình** |  |
|  |  |  | 1.5 |  | **1.5** |

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Hình học:**1. Chứng minh đường trung bình, hình thang.
2. Chứng minh hình bình hành, hình chữ nhật.
3. Chứng minh …
 |  |
| a. |  | 1 |  |  | **2.5** |
| b. |  | 1 |  |  |
| c. |  |  | 0.5 |  |

**\* Khối 9**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Ghi chú** |
| **Thấp** | **Cao** |
|  |  |
| **1. Tính**: 1. Đưa thừa số ra ngoài dâu căn. VD:
2. Biến đổi biểu thức dạng . VD:
3. Biểu thức trục căn thức không quá phức tạp

 VD:  |  |
| a. | 1 |  |  |  | **3** |
| b. |  | 1 |  |  |
| c. |  |  | 1 |  |
|  |
| **2. Giải các phương trình sau:**1. Giải phương trình đưa về dạng . VD: (B có thể chứa x)
2. Giải phương trình đưa về dạng  hay . VD:
 |  |
| a. | 1 |  |  |  | **2** |
| b. |  | 1 |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **3. Toán thực tế Đại:** |  |
|  |  |  | **1** |  | **1** |
|  |  |  | 0.75 |
| **4. Toán thực tế Hình tỷ số lượng gíac** |  |
|  |  |  | 1 |  | **1** |
|  |  |
| **5. Hình học:**1. Hệ thức lượng, tính độ dài cạnh trong tam giác vuông.
2. Chứng minh đẳng thức
3. …….
 |  |
|  | 1 |  |  |  | **3** |
|  |  | 1 |  |  |
|  |  |  | 1 |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiến thức** |  **Mức độ,****NLĐG** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| **Từ tuần 1 đến tuần 9****( kiến thức văn bản và Tiếng việt)** | **I.Đọc-hiểu****Ngữ liệu**: Chọn Văn bản trong hoặc ngoài chương trình. (không chọn ngữ liệu các bài đã tinh giản)**Tiêu chí lựa chọn ngữ liệu:**Một đoạn văn hoặc văn bản có độ dài phù hợp với học sinh từng khối lớp( không chọn ngữ liệu quá dài). | ***Nhắc lại hoặc******mô tả đúng*** *kiến thức, kĩ năng* ***đã học*** | *Diễn đạt đúng kiến thức hoặc* ***mô tả*** *đúng kĩ năng đã học* ***bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình****, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh…* |  *Trình bày cảm nhận, suy nghĩ của bản thân về một chi tiết trong văn bản.Hoặc**đặt câu. (không yêu cầu học sinh tạo lập văn bản)* | *vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để* ***giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn****; đưa ra phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập và cuộc sống.* |  |
|  | *Số câu**Số điểm**Thời gian**Tỉ lệ %* | 11,010% | 22,020% | 11,010% |  | 44,015 phút40% |
|  | **II. Tạo lập văn bản**Viết bài văn theo yêu cầu |  |  |  | Viết một bài làm văn theo yêu cầu. (đúng thể loại đang học của từng khối) |  |
|  | *-Số câu**-Số điểm**-Thời gian**-Tỉ lệ %* |  |  |  | 16,060% | 1675 phút60% |
|  | *-Tổng số câu**-Số điểm toàn bài**-Thời gian**-Tỉ lệ % điểm toàn bài* | 11,010% | 22,020% | 11,010% | 16,060% | 510,090 phút100% |

***Lưu ý:***

* Trên đây chỉ là bảng mô phỏng cho ma trận đề kiểm tra định kì các khối lớp. Khi có ngữ liệu và câu hỏi cụ thể giáo viên ra đề của từng trường mới đặc tả được chi tiết ma trận đề một cách cụ thể.
* Tùy vào năng lực của học sinh từng trường phần vận dụng có thể thay đổi tỉ lệ 10% hoặc 20%.( nếu vận dụng 10% thì phần nhận biết và thông hiểu 30%).
* Các thầy cô đọc lại ***lưu ý một số vấn đề về việc ra đề kiểm tra*** *của thầy Thành Sở giáo dục gửi ở Học kỳ 2 năm trước.*

**3. Ma trận đề môn Ngữ văn – kiểm tra định kỳ (Tham khảo)**

**Khối 6:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian kiểm tra** | **Nội dung kiến thức** | **Ma trận** |
| Tuần 10 | 1/Văn bản*- Bánh chưng bánh giầy**-Thánh Gióng* *- Sơn Tinh Thủy tinh**-Thạch Sanh**- Em bé thông minh**-Ếch ngồi đáy giếng**-Thầy bói xem voi*2/Tiếng Việt -Từ mượn - Nghĩa của từ-Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ- Chỉ từ3/TLV: Kể lại một truyện dân gian đã học bằng lời văn của em. | -Nhận biết: Tỉ lệ: 10% -Thông hiểu: Tỉ lệ: 10%-Vận dụng : Tỉ lệ: 20% -Vận dụng cao: Tỉ lệ: 60%  |

**Khối 7:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian kiểm tra** | **Nội dung kiến thức** | **Ma trận** |
| Tuần 10 | 1/Văn bản-*Cổng trường mở ra**- Mẹ tôi**- Cuộc chia tay của những con búp bê**- Những câu hát về tình cảm gia đình**- Những câu hát về tình yêu quê hương, đất nước, con người**- Sông núi nước Nam* *- Phò giá về kinh**- Bánh trôi nước**- Qua Đèo Ngang.**- Bạn đến chơi nhà**- Cảnh khuya**- Rằm tháng giêng*2/Tiếng Việt-Từ ghép-Từ láy- Đại từ-Quan hệ từ3/ TLVVăn biểu cảm | -Nhận biết: Tỉ lệ: 10% -Thông hiểu: Tỉ lệ: 10% -Vận dụng : Tỉ lệ: 20% -Vận dụng cao: Tỉ lệ: 60% |

**Khối 8:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian kiểm tra** | **Nội dung kiến thức** | **Ma trận** |
| Tuần 10 | 1/Văn bản*- Tôi đi học**-**Trong lòng mẹ* *- Tức nước vỡ bờ**-Lão Hạc**-Cô bé bán diêm**-Đánh nhau với cối xay gió**-Chiếc lá cuối cùng*2/ Tiếng việt- Trường từ vựng- Từ tượng hình, từ tượng thanh- Từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội- Trợ từ - thán từ- Tình thái từ- Nói quá3/TLVVăn tự sự | -Nhận biết: Tỉ lệ: 10% -Thông hiểu: Tỉ lệ: 10% -Vận dụng : Tỉ lệ: 20% -Vận dụng cao: Tỉ lệ: 60% |

**Khối 9:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian kiểm tra** | **Nội dung kiến thức** | **Ma trận** |
| Tuần 10 | 1/Văn bản*- Chuyện người con gái Nam Xương**-Hoàng Lê nhất thống chí**-Chị em Thuý Kiều**- Kiều ở lầu Ngưng Bích**-**Đồng chí.**- Làng**- Đoàn thuyền đánh cá*2/ Tiếng Việt- Các phương châm hội thoại- Cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp- Tổng kết về từ vựng (Từ đơn…)- Tổng kết về từ vựng (Từ đồng âm…)- Thuật ngữ3/TLV:Văn tự sự- Đóng vai nhân vật trong tác phẩm (Hoặc phần trích) văn bản đã học.- Hoặc kể chuyện( đời thường, kỉ niệm…) kết hợp với miêu tả, miêu tả nội tâm. | -Nhận biết: Tỉ lệ: 10% -Thông hiểu: Tỉ lệ: 10% -Vận dụng : Tỉ lệ: 20% -Vận dụng cao: Tỉ lệ: 60% |